

Bản án số: 79/2021/HS-ST
Ngày 24 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải; Bà Dương Thị Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/TLST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2021; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021, theo quyết định hoãn phiên tòa 12/2021/HSST-QĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên **Trần Văn M**, sinh năm: 1995.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ 1, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L, sinh năm 1974 và bà: Trần Thị V, sinh năm 1973; Vợ: Dương Thị Hồng H, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2017; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 01. Tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 18/10/2018, bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo M thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên (Theo QĐ số 24/QĐ-TGPL ngày 18/01/2021 của Giám đốc TTTGPL tỉnh Thái Nguyên).

(Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1978

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1974

Trú tại: Xóm Đ1, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

2. Chị Dương Thị Hồng H, sinh năm 1999

Trú tại: Xóm Đ1, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

3. Anh Dương Văn Q, sinh năm 1987

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đặng Văn T tên gọi khác Đặng Văn L, sinh năm 1996

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

2. Anh Dương Văn T, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

3. Chị Hoàng Thị Phương M, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

4. Cháu Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003- Người giám hộ: anh Lê Thái N-Bí thư Đoàn TNCSHCM xã N.

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

5. Chị Dương Thị H, sinh năm 2001

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

6. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ T, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 2002

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

8. Cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 2010-Người giám hộ: Ông Nguyễn Văn D-Hiệu trưởng Trường tiểu học xã N.

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21/10/2020, tại quán Trà Chanh 1987, thuộc xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, có hai bàn đang ngồi ăn ốc, uống rượu. Trong đó một bàn có 06 người gồm: Đặng Văn T, sinh năm 1996; Dương Thị H, sinh năm 2001; Nguyễn Văn P, sinh năm 2002; Nguyễn Văn L, sinh năm 2010, đều trú tại: xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Đặng Văn T, sinh năm 1978; Đặng Khánh L, sinh năm 2005, cùng có HKTT tại: tổ dân phố T phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Bàn còn lại có 04 người gồm: Dương Văn Q, sinh năm 1987, HKTT: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (chủ quán), Trần Văn D, sinh năm 1978, HKTT: xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Dương Văn T, sinh năm 1989; Hoàng Thị Phương M, sinh năm 1993, cùng trú tại: xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi đang ngồi T thấy Trần Văn M, sinh năm 1995, HKTT: xóm Đ 1, xã Ú, huyện P,

tỉnh Thái Nguyên, chở con là Trần Đức C, sinh năm 2017, đi ngang qua quán nên đã gọi M vào ngồi cùng sau đó T đi sang bàn của D mời rượu giao lưu, thì xảy ra xích mích cãi chửi nhau với D về việc T mời rượu nhưng D không uống. T và H thấy vậy, đến can đẩy T ra xa D, khi D đứng dậy đi ra phía ngoài rìa đường thì M đã đứng lên, tay phải cầm một chiếc cốc thủy tinh ở trên mặt bàn, ném vào D, chiếc cốc thủy tinh đập trúng vào vùng gò má trái của D, rồi rơi xuống nền gạch vỡ thành nhiều mảnh, mọi người thấy vậy vào can ngăn thì M bế con đi về.

Hậu quả: Anh Trần Văn D bị thương rách da gò má trái dài 2cm, gãy cung tiếp gò má trái, phải đưa đến bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên điều trị vết thương từ ngày 21/10/2020 đến ngày 03/11/2020 thì ra viện. Sau khi sự việc xảy ra bà Dương Thị L là vợ của Trần Văn D đã làm đơn trình báo đến Công an xã N, huyện P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận xác minh nội dung đơn. Ngày 13/11/2020 Công an xã N, huyện P đã lập hồ sơ chuyển đến Công an huyện P để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 30/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã có Quyết định số 224 trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của Trần Văn D và cơ chế hình thành vết thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 676/TgT ngày 03/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận thương tích của Trần Văn D là 11 % (mười một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng theo thông tư: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của bộ y tế. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật tày.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn M đã tác động đến gia đình đã bồi thường thiệt hại cho anh Dũng 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS-PB ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Trần Văn M về tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm

hình sự và giữ quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn M từ **30** đến **36** tháng tù.

Về phần trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã bồi thường cho bị hại 16.000.000đồng và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của các bên nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy dán niêm phong có chữ ký xác nhận của Dương Văn Q; Dương Văn T; Ngô Xuân H có đóng dấu của Công an xã N, bên trong có nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu trắng không rõ hình dạng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo năm 2021, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thấy mức hình phạt của kiểm sát viên đề nghị với bị cáo là cao, bị cáo đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo vì thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, gia đình hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo trong thời gian bị tạm giam một bên mắt trái bị bệnh nhìn mờ không rõ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Tôi nhất trí về tội danh cáo trạng truy tố hành vi của bị cáo M là đúng người đúng tội, đúng pháp luật cũng như đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát là quá nặng đối với bị cáo. Vì hành vi của bị cáo dùng tay cầm chiếc cốc trên mặt bàn ném về phía anh D mục đích chỉ để dọa cho các bên dừng lại không cãi nhau, cũng không nhằm vào phần nào trên cơ thể anh D không nhằm mục đích gây ra thương tích nào cho anh D. Bị cáo lần đầu phạm tội, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 16.000.000đồng và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn thuộc hộ cận nghèo, con còn nhỏ, mẹ đẻ bị bệnh động kinh, bản thân M bị bệnh về mắt (mắt ngày càng mờ dần đi) chưa có điều kiện để điều trị, cũng không có việc làm ổn định nên không có thu nhập. Mặt khác tuy rằng vết thương của anh D để lại tỉ lệ

tổn thương là 11% nhưng chủ yếu là vết thương tại phần mềm và đã khỏi hoàn toàn sau khi điều trị. Như vậy cũng cho thấy tính chất của hành vi giảm nhẹ đi đáng kể. Đề nghị HĐXX xem xét và cân nhắc khi lượng hình cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng thể hiện sự nhân đạo của pháp luật, tuyên phạt bị cáo với mức hình phạt hình phạt thấp của khung hình phạt cũng đủ để cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, rút ra bài học đắt giá cho bản thân đồng thời tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội tu dưỡng và rèn luyện, sớm trở về với gia đình để làm lại cuộc đời.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với hành vi của bị cáo M, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21/10/2020, tại quán Trà Chanh 1987 thuộc xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do xảy ra xích mích cãi chửi nhau giữa T và D về việc T mời D uống rượu nhưng D không uống và đã được mọi người can

ngăn thì D đi ra rìa đường, bị cáo Trần Văn M có hành vi dùng tay phải cầm chiếc cốc thủy tinh ở trên mặt bàn ném vào trúng vùng mặt (gò má trái) của anh Trần Văn D. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 676/TgT ngày 03/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận thương tích của Trần Văn D là 11 % (mười một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng theo thông tư: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của bộ y tế. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật tày.

Hành vi của bị cáo Trần Văn M có đủ yếu tố cấu thành tội: "Cố ý gây thương tích", theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 134 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

.....

đ) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp tới quyền về sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nhân thân, ngày 18/10/2018, bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành 2.500.000đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, theo khoản 1 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính ... hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt ... mà không tái phạm thì

được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Xét tính chất mức độ tội phạm, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, động cơ mục đích phạm tội. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Xét nhân thân của bị cáo nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 01 hộp giấy dán niêm phong có chữ ký xác nhận của Dương Văn Q; Dương Văn T; Ngô Xuân H có đóng dấu của Công an xã N, bên trong có nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu trắng không rõ hình dạng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 16.000.000đồng và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Đối với chiếc cốc bị cáo dùng để ném vào người anh D rơi xuống nền gạch bị vỡ, anh Q (là chủ sở hữu) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không xem xét.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên về mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Vì khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và thái độ của bị cáo sau khi gây thương tích cho anh D đã quan tâm thăm hỏi và xin lỗi bị hại, trong quá trình tạm giam đã tác động vợ và gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại 16.000.000đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tỏ ra hối hận về hành vi sai trái của mình, gia đình làm nông nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình

phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, để cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật để cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt.

[9] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo M với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[10] Đối với ông Trần Văn L và chị Dương Thị Hồng H tại phiên tòa trình bày: Số tiền 16.000.000đồng gia đình đã bồi thường cho bị hại anh D là tài sản chung của gia đình và nay không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm về khoản tiền này.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo năm 2021, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; Điều 326; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Trần Văn M **02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2021.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo Trần Văn M với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại của bị cáo M cho bị hại anh D 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy dán niêm phong có chữ ký xác nhận của Dương Văn Q; Dương Văn T; Ngô Xuân H có đóng dấu của Công an xã N, bên trong có nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu trắng không rõ hình dạng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo M được miễn 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo (Trần Văn M); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Trần Văn L, chị Dương Thị Hồng H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (anh Trần Văn D); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Dương Văn Q) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, BH, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung